TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2017
V/v : *"Kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Tìm;
2. Ông Ngô Văn Minh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhuần - Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 05/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - Tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXX-ST ngày 14/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G - sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Anh Trần Văn Q - sinh năm 1978.
Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.
(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Bùi Thị G trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chị kết hôn với anh Trần Văn Q từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do tìm hiểu không kỹ nên ngay sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp tính tình, thường sảy ra nhiều xung đột, cãi cọ nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, anh Q thường hay gây sự đánh chửi vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ tháng 12/2010 đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q.

- *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Thu H - sinh ngày 23/12/2006 và Trần Thị T – sinh ngày 04/5/2009. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị tạm nghỉ việc Công ty cũ để giải quyết việc gia đình, chị cũng đã xin được việc làm ở Công ty mới, đang trong thời gian thử việc nên chưa ký hợp đồng lao động, mức lương thử việc 4.000.000đồng/tháng.

- *Về tài sản chung:* Không có.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh Q tình bầy:

Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Bùi Thị G từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do tìm hiểu không kỹ nên ngay sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp tính tình, thường sảy ra nhiều xung đột, cãi cọ nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, Tính anh nóng nảy đã có lần đánh vợ. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ tháng 12/2010 đến nay.

Nay chị G có đơn xin ly hôn, dù vợ chồng sống không hòa hợp và đã ly thân nhiều năm nay nhưng anh không muốn ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải động viên chị G về đoàn tụ.

Tại các lần hòa giải, anh Q đều trình bầy để sau khi anh cúng 100 ngày cho mẹ anh (Tháng 9/2017) thì anh sẽ ký đồng ý ly hôn chị G.

- *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Thu H - sinh ngày 23/12/2006 và Trần Thị T – sinh ngày 04/5/2009. Sau ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả con chung và tự nguyện để chị G lựa chọn việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề thợ xây tự do, thu nhập khoảng 5.000.000đồng/tháng.

Tại các lần hòa giải, chị G và anh Q đều xác định nếu hai cháu có ý kiến muốn ở cùng ai thì anh chị đều đồng ý, nếu mỗi cháu ở với một người thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Không có, vợ chồng anh không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị G và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị G vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh Q. Anh Q chỉ đồng ý ly hôn chị G sau khi cúng 100 ngày cho cho bố anh vào cuối tháng 9/2017; anh Q và chị G đều xác định vợ chồng có có hai con chung là Trần Thị Thu H - sinh ngày 23/12/2006 và Trần Thị T – sinh ngày 04/5/2009. Chị G xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H, chị tự nguyện để anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Anh Q nhất trí ý kiến của chị G về việc phân chia nuôi con chung; anh Q và chị G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành

tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình,

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị G được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Giao cháu H cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung: Chị G và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị G phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành có đủ cơ sở xác định:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị G và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không hợp tính tình, không có sự chia sẻ, đồng cảm trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ tháng 12/2010 đến nay. Nay chị G xin được ly hôn anh Q, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh Q thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân anh Q cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2010 và anh cũng đồng ý ly hôn chị G nhưng anh đợi đến cuối tháng 9/2017 cúng 100 ngày cho mẹ anh xong anh mới đồng ý ký ly hôn chị G, do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị G được ly hôn anh Q là phù hợp.

2/ *Về con chung:* Vợ chồng chị G và anh Q có hai con chung là Trần Thị Thu H - sinh ngày 23/12/2006 và Trần Thị T - sinh ngày 04/5/2009. Chị G xin

được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H, cháu H cũng có lời khai xin được ở cùng chị G, chị G hiện làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 4.000.000đồng/tháng. Anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh Q làm lao động tự do, thu nhập khoảng 5.000.000đồng/tháng, cháu T cũng có lời khai xin được ở cùng anh Q. Tại phiên tòa, chị G và anh Q thỏa thuận giao cháu H cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét nên chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung giữa chị G và anh Q, giao cháu H cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của cả anh Q và chị G cũng như bảo đảm việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của cháu H và cháu T, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

3/ *Về tài sản chung:* Chị G và anh Q không yêu cầu giải quyết về phần tài sản nên không phải giải quyết.

4/ *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ vợ chồng:

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị G xin được ly hôn anh Trần Văn Q. Xử cho chị Bùi Thị G được ly hôn anh Trần Văn Q.

3/ Về con chung: Chị G và anh Q có hai con chung là Trần Thị Thu H - sinh ngày 23/12/2006 và Trần Thị T - sinh ngày 04/5/2009. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị G và anh Q, cụ thể: Giao cho chị G được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu H; giao cho anh Q được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Thị T.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản chung: Chị G và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2016/0000935 ngày 13/7/2017.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị G và anh Q. Báo cho chị G và anh Q biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung